

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 262/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Âu QH, sinh năm 1985

- Bà Nguyễn MT, sinh năm 1986

Cùng hộ khẩu thường trú: Số 99HT Đường số 8Y, Khu dân cư NSG, Ấp 3A, xã B, huyện Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh

Địa chỉ nơi làm việc của bà Thu: Tầng K, Tòa nhà PL, Số HH đường TT, Phường TP, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Âu QH và bà Nguyễn MT tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện QS, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14/7/2011)

Vợ chồng sống hạnh phúc được 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hiện nay, ông Âu QH và bà Nguyễn MT xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Âu QH và bà Nguyễn MT cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Âu QH và bà Nguyễn MT xác nhận có 02 (hai) con chung là Âu TH (nữ), sinh ngày 23/4/2013 và Âu TP (nam), sinh ngày 27/10/2014.

Ông Âu QH và bà Nguyễn MT thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn:

Ông QH đồng ý để bà MT là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là trẻ Âu TH và Âu TP, bà MT đồng ý ông QH cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/trẻ/tháng, tổng cộng số tiền cấp dưỡng hai con chung là 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Âu QH và bà Nguyễn MT tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Âu QH và bà Nguyễn MT xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Âu QH và bà Nguyễn MT chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Âu QH và bà Nguyễn MT thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện QS, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 14/7/2011 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Ông Âu QH và bà Nguyễn MT xác nhận có 02 (hai) con chung là Âu TH (nữ), sinh ngày 23/4/2013 và Âu TP (nam), sinh ngày 27/10/2014.

Ông Âu QH và bà Nguyễn MT thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn:

Ông QH đồng ý để bà MT là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Âu TH và Âu TP, bà MT đồng ý ông QH cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/trẻ/tháng, tổng cộng số tiền cấp dưỡng hai con chung là 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Âu QH có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông QH lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà MT có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Huân.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Cả hai đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Âu QH và bà Nguyễn MT tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2019/0042600 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông QH và bà MT đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TPHCM;
- C/c THADS Q.7, TPHCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy